TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2026
Vv:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang

Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan;

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, và quyết định hoãn phiên toà số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26-12-2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh ngày 08-12-1991; Số định danh cá nhân: 036191000746; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Chín Mười, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh ngày 25-9-1985; Số định danh cá nhân: 036085001093; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Chín Mười, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 26-10-2025, bản tự khai ngày 30-10-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (nay là Uỷ ban nhân dân phường Đông A, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15-4-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, dẫn đến nợ nần nhiều. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 11-01-2010; Trần Ngọc K, sinh ngày 02-9-2013 và Trần Minh C, sinh ngày 19-9-2019. Hiện tại cả 3 con chung đang ở cùng với chị H. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Anh Trần Minh T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Toà án làm việc nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

3. Tại các đơn trình bày nguyện vọng ngày 20-11-2025 cháu Trần Thị Vân A và cháu Trần Thị Ngọc K có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị Thu H.

4. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 20-11-2025 chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T sinh sống xác nhận: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T cư trú tại tổ dân phố Chín Mười, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì tổ dân phố không biết do vợ chồng chị H, anh T không báo tổ dân phố hoà giải, nhưng có nghe nói anh T nợ nần, làm ăn kinh tế khó khăn. Vợ chồng chị H, anh T có 3 con chung là Trần Thị Vân A, sinh năm 2010; Trần Ngọc K, sinh năm 2013 và Trần Minh C, sinh năm 2019.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị H và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cả 03 con chung Trần Thị Vân A, sinh ngày 11-01-2010; Trần Ngọc K, sinh ngày 02-9-2013 và Trần Minh C, sinh ngày 19-9-2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H phải nộp án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Minh T. Xét thấy tranh chấp giữa chị H và anh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Trần Minh T cư trú tại tổ dân phố Chín Mười, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Trần Minh T đã được triệu tập đến phiên toà lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét

xử xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (nay là Uỷ ban nhân dân phường Đông A, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15-4-2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh T đến Toà án trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng anh T không đến Toà án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh T không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 03 con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 11-01-2010; Trần Ngọc K, sinh ngày 02-9-2013 và Trần Minh C, sinh ngày 19-9-2019. Chị H có nguyện vọng nuôi cả ba con chung. Anh T không có quan điểm về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Thị Vân A và cháu Trần Ngọc K cũng có quan điểm xin được ở với mẹ. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cả ba con chung hiện đang ở với chị H. Vì vậy căn cứ vào quan điểm của chị H và nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn chị Trần Thị Thu H và bị đơn anh Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 138, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T.

2. Về giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về giao nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 11-01-2010, số định danh cá nhân: 036310001141, giới tính: nữ; Trần Ngọc K, sinh ngày 02-9-2013, số định danh cá nhân: 036313013037, giới tính: nữ và Trần Minh C, sinh ngày 19-9-2019, số định danh cá nhân: 036319012660, giới tính: nam.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002238 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Thu H và anh Trần Minh T có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV7 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Đông A (ĐK ngày 15-4-2009 tại UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định cũ);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang